STATE OF NEBRASKA FORM NO. DC 19:11B Copy DC 19:9 on reverse of form Rev. 10/08 Neb. Rev. Stat.42-924	**MODIFIED DOMESTIC ABUSE PROTECTION ORDER** **LỆNH BẢO VỆ VÌ CÓ SỰ HÀNH HUNG TRONG GIA ĐÌNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI**	CASE NUMBER: DOCUMENT NO.:

IN THE DISTRICT COURT OF _____ COUNTY, NEBRASKA
TẠI TÒA ÁN KHU VỰC THUỘC QUẬN/HẠT

_____ Petitioner
vs. Nguyên Đơn
kiện

_____ Respondent
Bị Đơn

MODIFIED DOMESTIC ABUSE PROTECTION ORDER

LỆNH BẢO VỆ VÌ CÓ SỰ HÀNH HUNG TRONG GIA ĐÌNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI

And/or on behalf of minor family member(s):
Và/hoặc thay mặt cho (các) thành viên gia đình dưới tuổi vị thành niên:

NAME/TÊN, HỌ	AGE/TUỔI
_____	_____
_____	_____
_____	_____

The Petitioner alleges as follows:
Nguyên đơn khẳng định những điều sau đây:

The Petitioner's Relationship to the respondent is:
Quan hệ giữa Nguyên Đơn và Bị Đơn là:

- □ Spouse
  Vợ/chồng
- □ Former spouse
  Vợ chồng cũ
- □ A person he/she is currently living with
  Người đang sống chung với tôi
- □ A person he/she has lived with in the past
  Người trước đây sống chung với tôi
- □ Child in common
  Chúng tôi có con chung
- □ Related by blood or marriage
  Có quan hệ máu mủ hay quan hệ thông gia với tôi
- □ Child(ren)
  Con của tôi

(The following do not qualify for 18 U.S.C 922(g)(8))
(Các quan hệ dưới đây không nằm trong phạm vi áp dụng của điều luật 18 U.S.C 922(g)(8))

- □ A person he/she is presently involved with in a dating relationship
  Người đó và tôi đang hẹn hò với nhau
- □ A person he/she was involved with in a dating relationship
  Người đó và tôi trước đây đã từng hẹn hò với nhau

Respondent's Address/Địa chỉ của bị đơn

_____

_____

Respondent's Telephone Number/Số điện thoại của bị đơn

_____

CAUTION: (for use by law enforcement)
THẬN TRỌNG: (dành cho cảnh sát)

☐ Weapon Involved
Có Vũ Khí

☐ Weapon Present on the Property
Có Vũ Khí Ở Nhà

RESPONDENT IDENTIFIERS
CÁC ĐẶC ĐIỂM ĐỂ NHẬN DIỆN BỊ ĐƠN

SEX GIỚI TÍNH	RACE CHỦNG TỘC	AGE TUỔI	HT CHIỀU CAO	WT CÂN NẶNG

EYES MẮT	HAIR TÓC	DISTINGUISHING FEATURES CÁC ĐẶC ĐIỂM RIÊNG

DRIVERS LICENSE # SỐ BẰNG LÁI	STATE BANG	EXP DATE NGÀY HẾT HẠN

Additional distinguishing features:
Các đặc điểm riêng biệt khác:

_____

_____

_____

The terms of this order shall be effective until one year from the date of issuance of the originating order (see page 3), unless vacated by the court prior to such date.
Các điều khoản của lệnh này sẽ có hiệu lực trong một năm kể từ ngày ra lệnh ban đầu (xem trang 3), trừ phi tòa án hủy bỏ lệnh sớm hơn.

WARNINGS TO RESPONDENT:

This order shall be enforced, even without registration, by the courts of any state, the District of Columbia, any U.S. Territory, and may be enforced by Tribal Lands (18 U.S.C. Section 2265). Crossing state, territorial, or tribal boundaries to violate this order may result in federal imprisonment (18 U.S.C. Section 2262). Federal law provides penalties for possessing, transporting, shipping, or receiving any firearm or ammunition (18 U.S.C. Section 922(g)(8)). **Only the Court can change this order.**

LỜI CẢNH BÁO BỊ ĐƠN:

Lệnh này sẽ được thi hành nghiêm chỉnh, cho dù đã được đăng bạ hay không, bởi các tòa án tiểu bang, của Khu Vực Columbia, những lãnh thổ của nước Hoa Kỳ, và có thể được thi hành bởi các Chính Quyền Bộ Lạc (18 U.S.C. Điều 2265). Nếu đi sang ranh giới vào tiểu bang, lãnh thổ hay vùng bộ lạc khác để vi phạm lệnh này thì quý vị có thể bị giam tù liên bang (18 U.S.C. Điều 2262). Luật liên bang quy định các hình phạt cho việc có, chuyên chở, gửi hay nhận bất cứ loại súng ống hay đạn dược nào (18 U.S.C. Điều 922(g)(8)). **Tòa án là nơi duy nhất có thẩm quyền thay đổi án lệnh này.**

THIS MATTER came on before the Court, pursuant to Neb. Rev. Stat.§§ 42-924 and 42-925, upon the petition.

VỤ NÀY được đưa trước Tòa trong một đơn xin, chiếu theo các điều 42-924 và 42-925 của Bộ Luật Canh Cải Nebraska.

The petitioner **(☐ was) (☐ was not)** present in court **(☐ with counsel, _____).**
Nguyên đơn **(có) (không)** hiện diện trước tòa **(với luật sư tên là).**

The respondent **(☐ did) (☐ did not)** appear **(☐ with counsel, _____).**
Bị đơn **(có) (không)** hiện diện trước tòa **(với luật sư tên là).**

Evidence was adduced, and the Court, being fully advised, finds that this court has jurisdiction of the parties and subject matter of this action, and that the petitioner has shown that the respondent (1) attempted to cause, or intentionally, knowingly, or recklessly caused, bodily injury to the petitioner, or (2) by physical menace, placed the petitioner in fear of imminent bodily injury.

Các chứng cớ được xuất trình và sau khi xem xét đầy đủ thì Tòa này kết luận rằng: Tòa có thẩm quyền xét xử đối với các đương sự cũng như nội dung của vụ kiện này, và nguyên đơn đã chứng minh rằng bị đơn (1) có ý định gây thương tích hoặc đã thực sự gây thương tích cho nguyên đơn một cách cố ý, biết rõ, hay vì thiếu thận trọng, hoặc (2) đã có hành động thân thể mang tính chất hăm dọa và làm cho nguyên đơn sợ hãi sẽ bị thương tích.

❑ If checked, the court finds that such facts show that the respondent represents a credible threat to the physical safety of the petitioner (18 USC § 922(g)(8)).

Tòa đánh dấu vào ô này nếu kết luận rằng các tình tiết chứng minh rằng bị đơn thực sự là một mối đe dọa đối với sự an toàn thể chất của nguyên đơn (18 USC điều 922(g)(8)).

IT IS THEREFORE ORDERED that, unless later further modified by the court, the domestic abuse protection order issued on (_____) shall remain in effect for a period of one year from the date of the original order, as modified and restated in the following manner:

DO ĐÓ, TÒA ÁN PHÁN QUYẾT rằng lệnh bảo vệ vì có sự hành hung trong gia đình được cấp ngày ( ) sẽ được điều chỉnh để thêm những điều dưới đây và tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn một năm kể từ ngày ra lệnh ban đầu, trừ trường hợp tòa ra lệnh sau đây để sửa đổi lệnh này:

_____ 1. Respondent is enjoined from imposing any restraint upon the person or liberty of the petitioner.
Cấm bị đơn kiềm chế hoặc hạn chế quyền tự do của nguyên đơn bằng bất cứ cách nào.

_____ 2. Respondent is enjoined from threatening, assaulting, molesting, attacking, or otherwise disturbing the peace of the petitioner.
Cấm bị đơn hăm dọa, hành hung, xâm phạm, tấn công, hoặc gây rối loạn cho nguyên đơn bằng bất cứ cách nào khác.

_____ 3. Respondent is enjoined from telephoning, contacting, or otherwise communicating with the petitioner, except:
Cấm bị đơn gọi điện thoại, liên lạc, hoặc tiếp xúc bằng bất cứ cách nào khác với nguyên đơn, trừ trường hợp:

_____

_____ 4. Respondent is removed and excluded from the residence of the petitioner, regardless of the ownership of the residence, located at:
Bắt bị đơn phải ra khỏi nhà và không được vào trong nhà của nguyên đơn nữa, cho dù là chủ sở hữu hay không, mà nhà đó nằm tại:

_____

_____

_____ 5. The respondent is ordered to stay away from the following location(s):
Bắt bị đơn phải tránh xa (các) địa điểm sau đây:

_____

_____

_____ 6. The petitioner is awarded temporary custody of the following minor children; such temporary custody shall remain in effect until:
Cho nguyên đơn quyền giám hộ tạm thời đối với các đứa trẻ vị thành niên sau đây cho tới ngày:

_____

_____ 7. _____

_____

IT IS FURTHER ORDERED that all costs of filing and service in this case are
THÊM VÀO ĐÓ, TÒA RA LỆNH rằng tất cả cá chi phí cho việc trình nộp hồ sơ và tống đạt giấy tờ trong vụ này

(❑ taxed to the respondent) or (❑ waived).
(là trách nhiệm của bị đơn phải trả) hoặc (được miễn).

_____ _____
DATED on/ĐỀ NGÀY JUDGE/THẨM PHÁN